TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-ST
Ngày: 19-9-2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Duy Khương;**

2. Ông **Hà Ứng Cương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không có

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2023/TLST- DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐST-DS, ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp Ph, xã M, huyện Ch, tỉnh K

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị Nh,** sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp Ph, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-7-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Vào ngày 10-02-2021 âm lịch, bà Phạm Thị Nh có mượn của bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà Nh có viết biên nhận và hẹn trả dần cho bà mỗi tháng 3.000.000 đồng, nhưng bà Nh không thực hiện đúng theo lời hứa, nên bà có đến gặp bà Nh thì bà Nh nói không có tiền. Sau đó bà có làm đơn nhờ chính quyền địa

phương giải quyết, thì bà Nh có trả cho bà nhiều lần được số tiền 14.000.000 đồng, rồi không tiếp tục trả nữa.

Vào ngày 04-7-2023, bà H tiếp tục làm đơn yêu cầu nhờ chính quyền địa phương giải quyết thì bà Nh xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng bà H không đồng ý.

Tại phiên tòa bà Trần Thị H có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Phạm Thị Nh phải trả lại cho bà số tiền gốc 86.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần, không đồng ý cho trả dần.

Bị đơn bà Phạm Thị Nh trình bày: Vào ngày 10-02-2021 âm lịch, bà có mượn của bà Trần Thị H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà có viết biên nhận và hẹn trả dần cho bà H mỗi tháng 3.000.000 đồng, trong quá trình vay mượn bà đã trả được số tiền 14.000.000 đồng, sau đó do tình hình dịch bệnh, làm ăn thất bại, nên bà không thực hiện đúng theo thoả thuận, nên bà H có làm đơn nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Tại cuộc hoà giải hai bên thoả thuận mỗi tháng bà sẽ trả cho bà H số tiền 1.000.000 đồng, nhưng chưa thực hiện được.

Bà Nh thừa nhận hiện nay còn nợ bà Trần Thị H số tiền là 86.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền này cho bà H nhưng hiện hoàn cảnh gia đình bà thật sự khó khăn, nên bà xin được trả dần mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng đến khi dứt số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Nh có ý kiến: Thừa nhận hiện nay còn nợ bà Trần Thị H số tiền là 86.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ trên, nhưng xin được trả mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng đến khi dứt số tiền nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 25-7-2023 bà Trần Thị H có đơn yêu khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Nh trả cho bà số tiền vay gốc 86.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, trả một lần. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp Ph, xã M, huyện Ch, tỉnh K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] - Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Phạm Thị Nh trả cho bà số tiền vay gốc là 86.000.000 đồng và không yêu cầu tình lãi, trả một lần dứt nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị Nh thừa nhận hiện nay còn nợ bà H số tiền vay gốc 86.000.000 đồng, nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi dứt số tiền nợ trên.

Xét thấy số tiền nợ vay bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Nh được bà Nh thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa là hiện nay bà Nh còn nợ bà H số tiền vay gốc 86.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ trên. Do đó việc bà H yêu cầu bà Nh trả số tiền vay gốc 86.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về cách thức trả nợ hai bên không thống nhất: Bà H yêu cầu bà Nh trả một lần, không đồng ý cho trả dần. Bà Nh chấp nhận trả số tiền nợ trên cho bà H nhưng yêu cầu mỗi tháng trả số tiền 1.500.000đồng đến khi dứt số tiền nợ.

Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, kéo dài thời gian trả nợ cho nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, cần xử buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 86.000.000đồng. (Tám mươi sáu triệu đồng).

[3] Về lãi suất : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị H không yêu cầu bà Phạm Thị Nh trả lãi suất cho số tiền vay trên nên HĐXX không xem xét.

Căn cứ vào các điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà trần Thị H; Buộc bà Phạm Thị Nh có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay gốc 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng), bà Trần Thị H tự nguyện không yêu cầu bà Phạm Thị Nh trả lãi suất nên hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu trả nợ dần của các đương sự không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn bà Phạm Thị Nh phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ phải trả cho bà H là: 86.000.000 đồng x 5% = 4.300.000 đồng.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí; Hoàn trả cho bà H số tiền 2.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn bà Phạm Thị Nh.

2- Buộc bà Phạm Thị Nh phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Nh có nghĩa vụ nộp án phí là 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm ngàn đồng).

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí; Hoàn trả cho bà H số tiền 2.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006709, ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4– Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ; V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thúy Hằng